

Số: 2625 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay (đợt 4)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Quyết định số 54/2023/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung Điều 6a của quy định kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định (được đính chính tại Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội tại thôn Vĩnh Hội, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, Khu kinh tế Nhơn Hội;

Theo Quyết định số 421/QĐ-BQL ngày 12/12/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư dự án Khu du lịch Khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội tại Tờ trình số 32/TTr-HĐBT ngày 11/7/2024 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng ngày 05/6/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay (đợt 4), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **34.812.305.123 đồng** (Ba mươi bốn tỷ, tám trăm mười hai triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, một trăm hai mươi ba đồng), trong đó:

+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	33.839.920.864 đồng.
+ Giá trị hỗ trợ thuê nhà ở:	132.000.000 đồng.
+ Thương đẩy nhanh tiến độ GPMB:	91.000.000 đồng.
+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	681.258.417 đồng.
+ Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất:	68.125.842 đồng.

- Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư:

Bố trí 14 lô đất tái định cư cho 08 hộ gia đình và 04 cặp vợ chồng tăng thêm trong hộ chính, với tổng diện tích 2.531,30m² tại các Khu tái định cư Cát Tiến mới (Khu 2); Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội. Tiền sử dụng đất các hộ này phải nộp là **4.450.268.000 đồng** (Bốn tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1746/QĐ-CTUBND ngày 20/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- UBND xã Cát Hải;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG
DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG CAO CẤP CÁT HẢI BAY (ĐỢT 4)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
1	Nguyễn Công Bình Ngô Thị Thìn	Vĩnh Hội Cát Hải	4.875,70	2.464.414.740	1.903.802.568	32.082.760	1.639.149.000	6.039.449.068
2	Ngô Nuôi (chết), con Ngô Thị Đẹp (đại diện kê khai)	Vĩnh Hội Cát Hải	1.242,70	823.286.940	145.520.120	7.494.680	338.352.000	1.314.653.740
3	Mai Hữu Phước Nguyễn Thị Kim Hoa	Vĩnh Hội Cát Hải	4.653,60	452.850.684	59.536.001	36.532.520	1.215.288.000	1.764.207.205
4	Nông Tấn Hiệp	Vĩnh Hội Cát Hải	7.130,80	1.218.469.611	680.243.194	48.099.640	1.281.523.000	3.228.335.445
5	Phạm Đình Giáp (chết); con ruột: Phạm Nguyên Minh, Phạm Thị Lượm (đại diện kê khai)	Vĩnh Hội Cát Hải	1.905,50	1.139.831.670	477.716.360	13.794.940	660.602.500	2.291.945.470
6	Phạm Thị Sáu	Vĩnh Hội Cát Hải	3.219,90	180.412.105	16.684.886	25.028.280	586.674.000	808.799.270
7	Phan Vạn Lộc Phạm Thị Lượm	Vĩnh Hội Cát Hải	611,50	15.024.555	12.380.249	4.894.700	0	32.299.504
8	Trần Văn Cai	Vĩnh Hội Cát Hải	4.492,70	774.532.248	396.759.362	56.386.730	1.413.787.500	2.641.465.840
9	Trần Văn Đường Ngô Thị Thu	Vĩnh Hội Cát Hải	4.511,00	1.458.565.020	480.019.812	41.103.560	1.188.625.000	3.168.313.392

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	2 Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
10	Nguyễn Thị Thắng	Vĩnh Hội Cát Hải	2.685,10	1.590.113.007	904.059.909	32.512.120	748.434.000	3.275.119.036
11	Nguyễn Xuân Anh Trần Thị Yến	Vĩnh Hội Cát Hải	4.371,90	358.058.610	54.023.658	40.565.870	1.404.190.500	1.856.838.638
12	Đàm Kim Anh Nông Thị Tuyết Thu	Vĩnh Hội Cát Hải	7.202,20	2.200.780.550	1.018.408.793	74.757.900	1.936.438.500	5.230.385.743
13	Nguyễn Bưởi (chết), con Nguyễn Tấn Định (đại diện kê khai)	Vĩnh Hội Cát Hải	3.458,90	784.224.300	297.167.113	23.686.100	1.083.031.000	2.188.108.513
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ							33.839.920.864
B	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở (Theo Phục lục số 02)							132.000.000
C	Thưởng GPMB (Theo Phục lục số 03)							91.000.000
D	Chi phí GPMB 2%							681.258.417
E	Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế 0,2%							68.125.842
G	Tổng cộng							34.812.305.123

Phụ lục số 02
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THUÊ NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà (đồng)	Chi chú
1	Nguyễn Công Bình Ngô Thị Thìn	Vĩnh Hội, Cát Hải	36.000.000	03 hộ gia đình được hỗ trợ
2	Nông Tấn Hiệp	Vĩnh Hội, Cát Hải	12.000.000	
3	Phạm Đình Giáp (chết); con ruột: ông Phạm Nguyên Minh, bà Phạm Thị Lượm (đại diện kê khai)	Vĩnh Hội, Cát Hải	12.000.000	
4	Trần Văn Cai	Vĩnh Hội, Cát Hải	12.000.000	
5	Trần Văn Đường Ngô Thị Thu	Vĩnh Hội, Cát Hải	12.000.000	
6	Nguyễn Thị Thắng	Vĩnh Hội, Cát Hải	12.000.000	
7	Đàm Kim Anh Nông Thị Tuyết Thu	Vĩnh Hội, Cát Hải	24.000.000	02 hộ gia đình được hỗ trợ
8	Nguyễn Bưởi (chết), con Nguyễn Tấn Định (đại diện kê khai)	Vĩnh Hội, Cát Hải	12.000.000	
Tổng cộng			132.000.000	

Phụ lục số 03

BẢNG TỔNG HỢP THƯỜNG ĐÃY NHANH TIẾN ĐỘ GPMB

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị thưởng (đồng)	Cấp nhà	Ghi chú
1	Nguyễn Công Bình Ngô Thị Thìn	Vĩnh Hội Cát Hải	21.000.000	Nhà N ₅	03 hộ được thưởng GPMB
2	Ngô Nuôi (chết), con Ngô Thị Đẹp (đại diện kê khai)	Vĩnh Hội Cát Hải	7.000.000	Nhà N ₈	
3	Nông Tấn Hiệp	Vĩnh Hội Cát Hải	7.000.000	Nhà N ₅	
4	Phạm Đình Giáp (chết); con ruột: ông Phạm Nguyên Minh, bà Phạm Thị Lượm (đại diện kê khai)	Vĩnh Hội Cát Hải	14.000.000	Nhà N ₆	02 hộ được thưởng GPMB
5	Trần Văn Cai	Vĩnh Hội Cát Hải	7.000.000	Nhà N ₅	
6	Trần Văn Đường Ngô Thị Thu	Vĩnh Hội Cát Hải	7.000.000	Nhà N ₅	
7	Nguyễn Thị Thắng	Vĩnh Hội Cát Hải	7.000.000	Nhà N ₅	
8	Đàm Kim Anh Nông Thị Tuyết Thu	Vĩnh Hội Cát Hải	14.000.000	Nhà N ₅	02 hộ được thưởng GPMB
9	Nguyễn Bưởi (chết), con Nguyễn Tấn Định (đại diện kê khai)	Vĩnh Hội Cát Hải	7.000.000	Nhà N ₅	
Tổng cộng			91.000.000		

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị thưởng (đồng)	Cấp nhà	Ghi chú
-----	--------	---------	--------------------------	---------	---------

Phụ lục số 04

**BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG
DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG CAO CẤP CÁT HẢI BAY (ĐỢT 4)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Bố trí đất tái định cư				Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Vị trí đất tái định cư	Diện tích (m ²)	Giá đất ở cụ thể tái định cư (đồng/m ²)	Giá đất ở cụ thể theo thị trường (đồng/m ²)		
1	Nguyễn Công Bình Ngô Thị Thìn	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 90, đường ĐS5 (lộ giới 10m), phân khu A, Khu tái định cư Cát Tiến (mới) - Khu 2	165,90	1.800.000	2.400.000	298.620.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư
2	Nguyễn Hoàng Thanh Hồ Thị Điệp	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 25, đường ĐS11 (lộ giới 10m), phân khu D, Khu tái định cư Cát Tiến (mới) - Khu 2	125,50	1.800.000	2.400.000	253.200.000	Nộp 80m ² theo giá đất ở cụ thể tái định cư và 45,5m ² theo giá đất ở cụ thể theo thị trường (lô thứ 2 trong hộ Nguyễn Công Bình)
3	Nguyễn Thành Ngọc Phù Thị Tuyết Nga	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 10, đường ĐS7 (lộ giới 10m), phân khu I, Khu tái định cư Cát Tiến (mới) - Khu 2	121,10	1.300.000	2.000.000	186.200.000	Nộp 80m ² theo giá đất ở cụ thể tái định cư và 41,1m ² theo giá đất ở cụ thể theo thị trường (lô thứ 3 trong hộ Nguyễn Công Bình)
4	Nông Tân Hiệp	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 5, đường ĐS3 (lộ giới 14m), phân khu TDC12A, Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội	200,00	1.500.000	1.680.000	300.000.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư

5	Phạm Đình Giáp (chết), con: Phạm Nguyên Minh, Phạm Thị Lượm (đại diện)	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 4, đường ĐS3 (lộ giới 14m), phân khu TDC12A, Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội	2 200,00	1.500.000	1.680.000	300.000.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư
6	Phạm Đình Giáp (chết), con: Phạm Nguyên Minh, Phạm Thị Lượm (đại diện)	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 5, đường ĐS3 (lộ giới 14m), phân khu TDC14, Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội	200,00	1.500.000	1.680.000	300.000.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư (lô thứ 2 trong hộ Phạm Đình Giáp (chết), con: Phạm Nguyên Minh, Phạm Thị Lượm (đại diện))
7	Trần Văn Cai	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 6, đường ĐS3 (lộ giới 14m), phân khu TDC12A, Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội	200,00	1.500.000	1.680.000	300.000.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư
8	Phạm Ngọc Quang Trần Thị Châu Hồng Viên	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 4, đường ĐS3 (lộ giới 14m), phân khu TDC14, Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội	200,00	1.500.000	1.680.000	311.484.000	Nộp 136,2m ² theo giá đất ở cụ thể tái định cư và 63,8m ² theo giá đất ở cụ thể theo thị trường (lô thứ 2 trong hộ Trần Văn Cai)
9	Trần Văn Đường Ngô Thị Thu	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 39, đường ĐS5 (lộ giới 10m), phân khu B, Khu tái định cư Cát Tiến (mới) - Khu 2	211,70	1.800.000	2.400.000	381.060.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư
10	Trần Văn Đường Ngô Thị Thu	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 38, đường ĐS5 (lộ giới 10m), phân khu B, Khu tái định cư Cát Tiến (mới) - Khu 2	126,80	1.800.000	2.400.000	228.240.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư (lô thứ 2 trong hộ Trần Văn Đường)

11	Nguyễn Thị Thắng	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 23a (lô góc), đường ĐS6/ĐS8, phân khu F, Khu tái định cư Cát Tiến (mới) - Khu 2	3 177,90	1.800.000	2.400.000	384.264.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư (<i>lô góc nhân hệ số 1,2</i>)
12	Đàm Kim Anh Nông Thị Tuyết Thu	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 7, đường ĐS1 (lộ giới 12m), phân khu TDC09, Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội	202,40	3.000.000	3.360.000	607.200.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư
13	Hoàng Anh Vũ Đàm Thị Ngọc Nữ	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 3, đường ĐS3 (lộ giới 14m), phân khu TDC12A, Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội	200,00	1.500.000	1.680.000	300.000.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư (<i>lô thứ 2 trong hộ Đàm Kim Anh</i>)
14	Nguyễn Bưởi (chết), con: Nguyễn Tấn Định (đại diện)	Vĩnh Hội Cát Hải	Lô số 14, đường ĐS5 (lộ giới 14m), phân khu TDC17, Khu đô thị và tái định cư Vĩnh Hội	200,00	1.500.000	1.680.000	300.000.000	Nộp theo giá đất ở cụ thể tái định cư
Tổng tiền sử dụng đất phải nộp							4.450.268.000	



